

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2020-2021	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khóa 40 trở về trước	Triệu đồng/năm	38,75	155
	Khóa 41	Triệu đồng/năm	38,75	155
	Khóa 42	Triệu đồng/năm	38,75	155
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Tại Đà Nẵng	Triệu đồng/năm		
	Khóa 39	Triệu đồng/năm	21,5	43
	Khóa 40	Triệu đồng/năm	23,25	46,5
	Khóa 41	Triệu đồng/năm	23,25	46,5
	Khóa 42: Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Triết học	Triệu đồng/năm	18,75	37,5
	Khóa 42: Tài chính ngân hàng, QTKD, Kế toán, Quản lý kinh tế	Triệu đồng/năm	23,25	46,5
	Tại đơn vị liên kết	Triệu đồng/năm		
	Khóa 39	Triệu đồng/năm	24,5	49
	Khóa 40	Triệu đồng/năm	26,25	52,5
	Khóa 42: Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Triết học	Triệu đồng/năm	21,75	43,5



	Khóa 42: Tài chính ngân hàng, QTKD, Kế toán, Quản lý kinh tế	Triệu đồng/năm	26,25	52,5
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khóa 42 trở về trước	Triệu đồng/năm	12,556	
	Khóa 43			
	- Nhóm 1: Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế đầu tư, Quản trị nguồn nhân lực, Thống kê kinh tế xã hội, Hành chính công, Kinh tế chính trị	Triệu đồng/năm	12,5	44
	- Nhóm 2: Luật kinh doanh, Luật học, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị khách sạn, Quản trị hệ thống thông tin, Tin học quản lý, Thương mại điện tử, Tài chính công, Quản trị sự kiện và lễ hội	Triệu đồng/năm	16,5	60
	- Nhóm 3: Kế toán, Kiểm toán, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Quản trị tài chính, QTKD tổng quát, QTKD du lịch, Ngoại thương, QTKD thương mại, Quản trị Marketing, Truyền thông Marketing.	Triệu đồng/năm	19,5	74
	Khóa 44, 45			
	Nhóm 1: Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế đầu tư, Quản trị nguồn nhân lực, Thống kê kinh tế xã hội, Hành chính công, Kinh tế chính trị	Triệu đồng/năm	12,5	47
	Nhóm 2: Quản trị chuỗi cung ứng và Logistics, Quản trị sự kiện, Tài chính công, Tin học quản lý, Quản trị hệ thống	Triệu đồng/năm	16,5	63

	thông tin, Thương mại điện tử, Luật học, Luật kinh doanh			
	Nhóm 3: Quản trị kinh doanh tổng quát, Quản trị tài chính, Quản trị kinh doanh du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị marketing, Truyền thông Marketing, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh thương mại, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Kế toán, Kiểm toán	Triệu đồng/năm	19,5	76
	Khóa 46			
	Nhóm 1: Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế đầu tư, Quản trị nguồn nhân lực, Thống kê kinh tế xã hội, Hành chính công, Kinh tế chính trị, Tài chính công	Triệu đồng/năm	12,5	50
	Nhóm 2: Quản trị chuỗi cung ứng và Logistics, Quản trị sự kiện, Tin học quản lý, Quản trị hệ thống thông tin, Thương mại điện tử, Luật học, Luật kinh doanh, Khoa học dữ liệu và phân tích kinh doanh	Triệu đồng/năm	16,5	66
	Nhóm 3: Quản trị kinh doanh tổng quát, Quản trị tài chính, Quản trị kinh doanh du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị marketing, Truyền thông Marketing, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh thương mại, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Kế toán, Kiểm toán	Triệu đồng/năm	19,5	78
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		

5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II Học phí chính quy chương trình khác				
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
Học phí đại học chính quy chương trình chất lượng cao				
	Khóa 42 (Giữ nguyên mức học phí như các năm trước)	Triệu đồng/năm	17,0	
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III Học phí hình thức vừa học vừa làm				
1	Đại học	Triệu đồng/năm	14,7	58,8
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV Tổng thu năm 2019				
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	0,335	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	169,558	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	2,020	



Đà Nẵng, ngày 05 tháng 05 năm 2020. *Trần Đình Khôi Nguyên*

KỶ HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 KINH TẾ
 ĐÀ NẴNG
 PGS. TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYÊN